

Số: ~~227~~ /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 08 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin môi trường,
cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 802/TTr-SNNMT ngày 24 tháng 11 năm 2025, Công văn số 10140/SNNMT-QLMT ngày 01 tháng 12 năm 2025.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/12/2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ NNMT;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- Các PCVP UBND TP;
- Công báo TP;
- Cổng TTĐT TP;
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Lưu: VT, NNMT, T.L.Khiết.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân



QUY CHẾ
Quản lý, vận hành hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường
thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 227/2025/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng; quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng.

Các nội dung không quy định tại quy chế này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan trên.

b) Các doanh nghiệp tham gia quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là: Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường): Là một phần mềm được ứng dụng Web để quản lý, cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường trên địa bàn thành phố.

2. Tài khoản (user name): Là một chuỗi ký tự hoặc từ mà người dùng sử dụng để xác định và đăng nhập vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường (còn được gọi là “tên đăng nhập” hoặc “tên người dùng”).

3. Mật khẩu (password): Là một chuỗi các ký tự, có thể là chữ cái, số, ký tự đặc biệt hoặc kết hợp giữa chúng, được sử dụng để xác nhận danh tính của người dùng khi đăng nhập vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng

1. Bảo đảm tuân thủ pháp luật, thông tin chính xác, kịp thời, minh bạch, dễ tiếp cận và thân thuộc với người dùng.

2. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước; tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn và quy định về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3. Việc khai thác, sử dụng phải bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường; tuân thủ các quy định của pháp luật về khai thác, sử dụng thông tin điện tử trên môi trường mạng.

4. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

5. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.

6. Đảm bảo đồng bộ, liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7. Ưu tiên khai thác, chia sẻ dữ liệu mở để phục vụ cộng đồng và phát triển kinh tế số.

Điều 4. Chức năng, tài khoản sử dụng Hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng

1. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường cung cấp các chức năng giúp cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có thể khai thác, sử dụng dữ liệu, dữ liệu mở về môi trường và nộp báo cáo môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Đồng thời Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường cho phép người dùng thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý khu kinh tế, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc chia sẻ, công bố thông tin, dữ liệu về môi trường của thành phố.

2. Tài khoản quản trị

Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố được cấp 01 tài khoản quản trị có toàn quyền để thực hiện việc quản trị mức cao nhất, hỗ trợ người sử dụng quản trị Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

3. Tài khoản sử dụng

a) Việc kết nối và chia sẻ dữ liệu cho cơ quan khai thác sử dụng tài khoản kết nối với hình thức định danh và xác thực phù hợp cho cơ quan, tổ chức có nhu cầu kết nối theo quy định của pháp luật.

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường: Được cấp mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức 01 tài khoản sử dụng.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố quyết định việc cấp tài khoản sử dụng cho cá nhân.

4. Đảm bảo an toàn đối với tài khoản sử dụng

a) Trong quá trình vận hành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về bảo mật tài khoản được cấp, phải quy định trách nhiệm cho cá nhân cụ thể trong việc quản lý, sử dụng tài khoản.

b) Trường hợp người được phân công quản lý, sử dụng tài khoản thay đổi vị trí công tác, chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu phải thực hiện bàn giao tài khoản sử dụng cho người được phân công tiếp nhận công việc.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Thông tin, dữ liệu môi trường quản lý trên Hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng gồm:

1. Báo cáo hiện trạng môi trường các cấp; báo cáo kết quả quan trắc môi trường hàng năm; hiện trạng môi trường;

2. Thông tin về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; danh mục các loài hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong tự nhiên, loài đặc hữu, loài di cư, loài ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong sách đỏ Việt Nam trên địa bàn thành phố;

3. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường;

4. Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản;

5. Báo cáo về tình hình nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nộp phí bảo vệ môi trường; kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

6. Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

7. Danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp;

8. Kết quả về quản lý môi trường lưu vực sông, ven biển và biển; ô nhiễm môi trường xuyên biên giới;

9. Kết quả về xử lý chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác;

10. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định;

11. Các thông tin khác về môi trường theo quy định.

Điều 6. Quy định về việc cập nhật và tần suất cập nhật thông tin

1. Đối với thông tin về hiện trạng môi trường theo mạng lưới quan trắc môi trường tự động, liên tục: Cập nhật thường xuyên theo mạng lưới quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn thành phố và hệ thống quan trắc tự động, liên tục của các cơ sở, doanh nghiệp đã lắp đặt trên địa bàn.

2. Các thông tin về môi trường khác: Cập nhật thường xuyên theo tháng (*thời gian cập nhật định kỳ trước ngày 25 hàng tháng*).

Điều 7. Hình thức cập nhật thông tin, dữ liệu và báo cáo

1. Các đối tượng thuộc phạm vi triển khai Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường thực hiện cập nhật dữ liệu bằng cách nhập trực tiếp, sau đó đăng tải trên Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

2. Các địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về dữ liệu của mình trên Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường; có sự đồng nhất về số liệu cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường và báo cáo được ban hành.

Điều 8. Công khai thông tin, dữ liệu

Các thông tin, dữ liệu về môi trường tại Điều 5 Quy chế này được công khai trên hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng theo quy định.

Điều 9. Quản lý, khai thác thông tin, số liệu thông qua Hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố:

a) Làm đầu mối chủ trì quản lý, khai thác và sử dụng thông tin trong Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường nhằm cung cấp thông tin về quản lý cơ sở dữ liệu về môi trường trên địa bàn thành phố theo quy định.

b) Thực hiện quản lý vai trò của người dùng, phân quyền, cho phép khai thác thông tin dữ liệu từ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường và các cấu hình danh mục để vận hành hệ thống.

2. Các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp xã được phân quyền khai thác toàn bộ thông tin dữ liệu từ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước đảm bảo sử dụng đúng mục đích và nguyên tắc tại Điều 3 Quy chế này.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác tham gia cung cấp, cập nhật thông tin, sử dụng Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường được phân quyền cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, tổ chức mình.

4. Cá nhân được cấp tài khoản có trách nhiệm quản lý, khai thác thông tin, số liệu thông qua Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường hoạt động thông suốt.

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm và các sở, ban ngành có liên quan trong việc hướng dẫn vận hành, sử dụng Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

c) Chịu trách nhiệm quản lý dữ liệu chuyên ngành; bảo vệ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường theo quy định; chủ trì kết nối, truyền nhận dữ liệu về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

d) Tiếp nhận yêu cầu từ các địa phương, cơ quan, đơn vị, thực hiện hỗ trợ người sử dụng Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường về kỹ thuật công nghệ thông tin, xử lý vướng mắc của các cơ quan, đơn vị trong quá trình sử dụng Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường; kịp thời bổ sung, điều chỉnh các tài khoản truy cập theo quy định khi có yêu cầu của các cơ quan, tổ chức và

cá nhân; định kỳ rà soát các tài khoản truy cập Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

đ) Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác các chức năng theo quy định vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

e) Đôn đốc các địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác và đúng thời gian quy định vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Bố trí hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung của thành phố phục vụ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường; hướng dẫn việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi quản lý.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện quản lý, vận hành, bảo trì Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường theo quy định hiện hành.

4. Ban Quản lý khu kinh tế

a) Phân công công chức, cán bộ để quản lý tài khoản hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường được cấp;

b) Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định về các thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

c) Chịu trách nhiệm đối với các thông tin, dữ liệu được cập nhật, cung cấp trên Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Phân công công chức, cán bộ của địa phương để quản lý tài khoản Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường được cung cấp.

b) Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định về các thông tin, dữ liệu vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường thuộc địa bàn quản lý.

c) Chịu trách nhiệm đối với các thông tin, dữ liệu được cập nhật, cung cấp trên Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

6. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác được cấp tài khoản sử dụng

a) Phân công công chức, cán bộ để quản lý tài khoản Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường được cung cấp.

b) Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định về các thông tin, dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Chịu trách nhiệm đối với các thông tin, dữ liệu được cập nhật, cung cấp trên Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường.

7. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan trên cơ sở nhiệm vụ được giao, cập nhật các thông tin, dữ liệu về môi trường lên Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường theo quy định và phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để triển khai thực hiện các nội dung liên quan tại Quy chế này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Các địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, các địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

